

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST.
Ngày: 14-02-2023.
V/v: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phụng;
2. Ông Trần Văn Bé Hai;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 724/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Q P**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: ấp MHH, xã MX, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp;

Hiện sinh sống: Phòng trọ XX – Nhà trọ MN, khóm MT, thị trấn MT1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: tổ XX, khóm MT, thị trấn MT1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà P và bà N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Quốc P trình bày:

Ngày 10/10/2020, bà P có cho bà N vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, khi vay có làm biên nhận, nội dung biên nhận do bà N viết và ký tên. Ngày 16/10/2020, bà P cho bà N vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, khi vay có làm biên nhận, nội dung biên nhận do bà N viết và ký tên. Ngày 20/10/2020, bà P có cho bà N vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, khi vay có làm biên nhận, nội dung biên nhận do bà N viết và ký tên. Ngày 30/10/2020, bà P cho bà N vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, khi vay có làm biên nhận, nội dung biên nhận do bà N viết và ký tên. Tổng cộng bà P cho bà N vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và 06 tháng

sau sẽ trả hết nợ, mục đích vay tiền để mua bán phục vụ sinh hoạt gia đình. Quá trình vay tiền, bà N đã trả cho bà P số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng lãi, cũng không trả nợ gốc cho bà P.

Trong đơn khởi kiện, bà Lê Thị Quốc P yêu cầu bà Lê Thị N trả cho bà P số tiền 50.000.000 đồng tiền vốn và 19.090.000 đồng tiền lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả xong tiền nợ gốc.

Từ khi vay cho đến nay bà N có trả 600.000 đồng tiền lãi cho biên nhận ngày 10/10/2020 và 900.000 đồng tiền lãi cho biên nhận ngày 20/10/2020 và biên nhận ngày 30/10/2020. Từ đó đến nay, bà N không trả tiền vốn và lãi cho bà P. Các biên nhận bà P cho bà N vay các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Các biên nhận mà bà P cung cấp toàn bộ nội dung biên nhận do bà N viết và ký tên vào biên nhận. Bà P không viết nội dung biên nhận nào.

Tại phiên hòa giải hôm nay, bà Lê Thị Quốc P thay đổi yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/10/2020 đến ngày 14/02/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

+ Yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/10/2022 đến ngày 14/02/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

+ Yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/10/2020 đến ngày 14/02/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ thẩm xong.

+ Yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/10/2022 đến ngày 06/01/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm xong.

Tính đến thời điểm hiện tại, ngoài số nợ nói trên, bà Lê Thị N không còn nợ bà Lê Thị Quốc P số tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 10/10/2020, nội dung biên nhận do bà P viết, nhưng bà N là người ký tên. Biên nhận ngày 16/10/2020, nội dung biên nhận do bà N viết và ký tên. Biên nhận ngày 20/10/2020, nội dung biên nhận do bà P viết và bà N thừa nhận ký tên vào biên nhận và viết tên Lê Thị N. Biên nhận ngày 30/10/2020, nội dung biên nhận do bà N viết và bà N ký tên và viết họ tên vào biên nhận. Biên nhận ngày 30/10/2020, bà N đã trả đủ tiền cho bà P, khi bà N trả tiền không làm biên nhận hay không gạch bỏ biên nhận mà bà N đã ký với bà P vào ngày 30/10/2020.

Nay, bà N chỉ thừa nhận vay của bà P số tiền gốc 25.000.000 đồng và bà N đồng ý trả cho bà P số tiền 25.000.000 đồng. Bà N không đồng ý trả tiền lãi theo biên nhận ngày 20/10/2020, lý do bà N đã trả tiền lãi cho bà P nhiều lần. Khi trả tiền lãi cho bà P, bà N không làm biên nhận hay giấy tờ gì.

Bà N cho rằng các biên nhận mà bà P cung cấp và có chữ ký của bà N đã được gộp lại thành biên nhận ngày 20/10/2020. Biên nhận ngày 20/10/2020 là gộp lại của số tiền của biên nhận ngày 10/10/2020 và biên nhận ngày 16/10/2020. Thực tế bà N chỉ vay của bà P số tiền 25.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/10/2020 và số tiền 5.000.000 đồng theo biên nhận ngày 30/10/2020. Đối với số tiền 5.000.000 đồng theo biên nhận ngày 30/10/2020, bà N đã trả xong cho bà P.

Theo bà N biên nhận ngày 20/10/2020, các bên thỏa thuận tiền lãi 6.000đ/1ngày/1.000.000đ (6%). Khoảng 10 ngày bà N trả tiền lãi cho bà P 01 lần, đến nay bà N trả được bao nhiêu tiền cho bà P thì bà N không nhớ, khi trả không làm biên nhận hay giấy tờ.

Bà N không yêu cầu giám định chữ ký của bà N trên các biên nhận mà bà P cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N có trách nhiệm trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/10/2020 đến ngày 14/02/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Bà P yêu cầu bà N trả số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/10/2022 đến ngày 14/02/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Bà P yêu cầu bà N trả số tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/10/2020 đến ngày 14/02/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ thẩm xong. Bà P yêu cầu bà N trả số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/10/2022 đến ngày 06/01/2023 và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm xong. Bà N đồng ý trả cho bà P số tiền 25.000.000 đồng. Bà N không đồng ý trả tiền lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ: tổ 15, khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu của bà P yêu cầu bà N trả số tiền tổng cộng 50.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 10/10/2020, 16/10/2020, 20/10/2020, 30/10/2020, Hội đồng xét xử nhận định: Kèm theo đơn khởi kiện bà P đã cung cấp cho Tòa án các biên nhận ngày 10/10/2020, 16/10/2020, 20/10/2020, 30/10/2020 bản chính. Bà N thừa nhận ký tên vào các biên nhận do bà P cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, bà N thừa nhận biên nhận ngày 16/10/2020 và biên nhận ngày 20/10/2020 do bà N viết và ký tên. Bà N cho rằng biên nhận ngày 10/10/2020 và biên nhận ngày 16/10/2020 đã được gộp lại thành biên nhận ngày 20/10/2020, nhưng bà P không thừa nhận. Biên nhận ngày 30/10/2020 bà N đã trả cho bà P, nhưng bà P không thừa nhận và

bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, hội đồng xét xử sơ thẩm xác định và các ngày 10/10/2020 bà N có vay của bà P số tiền 15.000.000 đồng, ngày 16/10/2020 bà N vay của bà P số tiền 5.000.000 đồng, ngày 20/10/2020 bà N vay của bà P số tiền 25.000.000 đồng, ngày 30/10/2020 bà N vay của bà P số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng bà N có vay của bà P số tiền 50.000.000 đồng là có thật nên buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà P tổng cộng 50.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P yêu cầu bà N trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày nghi biên nhận đến khi xét xử sơ thẩm xong, Hội đồng xét xử nhận định: Các biên nhận ngày 10/10/2020, 16/10/2020, 20/10/2020, 30/10/2020 các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Bà N xác định lãi suất bà P cho vay 6%/tháng. Bà P thừa nhận bà N đã trả 600.000 đồng tiền lãi cho biên nhận ngày 10/10/2020 và 900.000 đồng tiền lãi cho biên nhận ngày 20/10/2020. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà N có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà P sau khi đã trừ số tiền lãi bà N đã trả là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể tiền lãi là: $(15.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times (\text{từ ngày } 10/10/2020 \text{ đến ngày } 14/02/2023 = 28 \text{ tháng } 04 \text{ ngày}) - 600.000 \text{ đồng} + 5.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times (\text{từ ngày } 16/10/2020 \text{ đến ngày } 14/02/2023 = 28 \text{ tháng } 10 \text{ ngày}) + 25.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times (\text{từ ngày } 20/10/2020 \text{ đến ngày } 14/02/2023 = 28 \text{ tháng } 14 \text{ ngày}) - 900.000 \text{ đồng} + 5.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times (\text{từ ngày } 30/10/2020 \text{ đến ngày } 14/02/2023 = 28 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}) = 10.280.466 \text{ đồng}.$

[6] Buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà P 50.000.000 đồng tiền vốn và 10.280.466 đồng tiền lãi, tổng cộng vốn và lãi 60.280.466 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu 3.014.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Quốc P. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Quốc P số tiền tổng cộng 60.280.466 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm tám mươi ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Lê Thị N phải chịu 3.014.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Lê Thị Quốc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà